

Bảng 9: Tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành theo vùng sinh thái (theo BMI)

Vùng sinh thái	n	BMI<18,5 (%)	BMI≥23 * (%)	BMI≥25** (%)	Mức độ			
					23≤BMI<25 (%)	25≤BMI<30 (%)	30≤BMI<35 (%)	BMI≥35 (%)
ĐBSH	2151	23,0	12,4	3,3	9,1	3,2	0,1	0
Đông Bắc	2156	23,1	9,5	3,1	6,4	3,1	0	0
Tây Bắc	2163	16,0	14,1	4,7	9,3	4,5	0,3	0
Bắc Trung Bộ	2147	21,7	11,4	4,9	6,5	4,6	0,3	0
Nam Trung Bộ	2153	26,4	13,6	5,0	8,6	4,3	0,7	0
Tây Nguyên	2131	19,2	15,8	5,6	10,1	5,4	0,3	0
Đông Nam Bộ	2165	15,2	29,7	13,7	16,0	12,6	1,1	0
ĐBSCL	2147	19,3	21,5	10,3	11,2	9,6	0,7	0
Chung	17213	20,9	16,3	6,6	9,7	6,2	0,4	0

* So sánh tình trạng thừa cân-béo phì theo vùng sinh thái (BMI≥23): $p < 0,001$

** So sánh tình trạng thừa cân-béo phì theo vùng sinh thái (BMI≥25): $p < 0,001$.